TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2-BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2026/DS-ST
Ngày: 18-8-2026
V/v Tranh chấp "Phường, họ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 -BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hiền

Ông Nguyễn Tiến Ngọc

-Thư ký phiên toà: Ông Thân Văn Đông - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh: Bà Dương Thị T - Kiểm sát viên.

Ngày 21/7/2026 và ngày 18/8/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 -Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 500/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc giải quyết vụ án tranh chấp *"Phường, họ"*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2026/QĐXXST-DS ngày 25/5/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2026/QĐST-DS ngày 22/6/2026; Quyết định ngừng phiên tòa số 79/2026/QĐST-DS ngày 21/7/2026 giữa:

**Nguyên đơn: Ông Dương Văn K, sinh năm 1968 (có mặt)*
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
**Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1984 (vắng mặt)*
Nơi cư trú: Thôn G, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
-Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1969 (có mặt)
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
-Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn Giang Tân, xã Hợp Thịnh, tỉnh Bắc Ninh.
Nơi ở: TDP Hoàng Mai, phường An Hải, thành phố Hải Phòng.
- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1949 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Anh Dương Văn P1, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Anh Dương Văn N, sinh năm 1973 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Anh Dương Văn T1, sinh năm 1981 (xin vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Anh Dương Văn C, sinh năm 1985(xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Bà Hoàng Thị L2, sinh năm 1965 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1962 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1980 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.
- Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983 (xin vắng mặt)
Nơi cư trú: Thôn T, xã H, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/11/2025, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Dương Văn K trình bày:

Ông và anh Nguyễn Văn P là bạn bè, có quen biết với nhau từ trước. Ông là chủ phường, ông P là thành viên của phường và có tham gia chơi phường. Ngày 10/11/2016 (âm lịch) tức ngày 08/12/2016 (dương lịch) ông có cho anh Nguyễn Văn P tham gia dây phường gồm 15 người chơi (thời hạn chơi từ ngày 10/11/2016 âm lịch đến 10/02/2018 âm lịch) với mục đích giúp đỡ nhau làm ăn kinh tế số tiền người chơi phải đóng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/1 xuất/1 tháng, hai bên có thỏa thuận trong hợp đồng phường về lãi xuất nộp phường là 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng/1 xuất/1 tháng, ai lấy trước phải chịu số tiền lãi 400.000 đồng cho người lấy sau, người lấy sau được hưởng 400.000 đồng của người lấy trước đóng. Anh Nguyễn Văn P có tham gia chơi phường với tổng số xuất là 1 xuất, hàng tháng anh P phải đóng cho ông số tiền phường là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/1 xuất/1 tháng. Biên bản phường tiền đề ngày 10/11/2016 (âm lịch). Ông xác định chữ viết trong biên bản phường tiền đề ngày 10/11/2016 (âm lịch) là chữ viết chữ ký của ông. Anh P và chị L lấy dây phường đầu tiên vào ngày 10/11/2016 (âm lịch) tức ngày 08/12/2016 (dương lịch) với tổng số tiền là 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng và có ký xác nhận "P, Nguyễn Văn P" là chữ viết chữ ký là của anh P viết, chữ viết chữ ký "L, Nguyễn Thị L" là của chị L viết. Anh P chưa đóng cho ông xuất phường nào từ khi bắt đầu chơi phường đến khi kết thúc dây phường, hiện anh P còn nợ ông 14 xuất phường là 14 x 2.000.000 đồng = 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng). Do anh P và chị L không đóng tiền phường cho ông kể từ ngày 10/11/2016 âm lịch cho đến khi kết thúc dây phường, cho nên ông phải ứng tiền phường của vợ chồng ông để đóng cho các thành viên tham gia phường còn lại. Ông xác định phần ghi T, ngày 08/11/2016 (âm) là ghi sai, chính xác phải là Thái Sơn ngày 10/11/2016 (âm) là ngày viết biên bản phường tiền. Từ khi nhận tiền phường đến thời hạn giao tiền phường theo thỏa thuận trong Biên bản phường tiền, anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L không trả được cho vợ chồng ông khoản tiền phường và lãi nào cho dù ông đã đòi rất nhiều lần nhưng anh Nguyễn Văn P và

chị Nguyễn Thị L toàn khất nợ. Do vợ chồng anh P và chị L ly hôn khoảng năm 2019, do vậy ông đề nghị anh P và chị L phải trả vợ chồng ông số tiền trên.

Nay ông yêu cầu anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L phải trả cho vợ chồng ông số tiền phường là 28.000.000 và số tiền lãi 10% tính từ ngày10/11/2016 (âm lịch) tức ngày 08/12/2016 (dương lịch) cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa, Ông K yêu cầu anh P và chị L trả cho vợ chồng ông tiền phường là 28.000.000 và thay đổi số tiền lãi. Ông yêu cầu anh P và chị L trả cho vợ chồng ông số tiền lãi phường mà ông phải bỏ ra để trả cho những người lấy sau là 400.000đồng x 14 xuất = 5.600.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 33.600.000 đồng.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn P đã được Tòa án thông báo qua điện thoại và tống đạt hợp lệ các văn bản, nhưng không lên Tòa án làm việc cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn P kết hôn năm 2008 và đã ly hôn năm 2018 tại Bắc Giang. Trong thời kì hôn nhân, chị và anh P có chơi phường cùng nhau, ngày 10/11/2016 chị và anh P nhận tiền phường là 28.000.000 đồng, chị và anh P người lấy đầu tiên. Khi đó ông Dương Văn K là chủ phường, có 15 người chơi (tính cả chủ phường), khi lấy phường là 2.000.000 đồng, đóng vào là 2.400.000 đồng.

Khi nhận tiền phường, biên bản là do chủ phường lập và chị chỉ ký vào biên bản, chị xác nhận chữ ký tại biên bản phường tiền này là do chị ký. Chị xác định khoản tiền lấy phường là của cả hai vợ chồng để mua xe ô tô, khi ly hôn chiếc xe này là anh P quản lý.

Ngoài ra khi ly hôn, chị và anh P thống nhất về tài sản chung để lại cho anh P quản lý, nợ chung thì nợ phía bên ngoại do chị trả, nợ phía bên nội do anh P tự trả. Các thỏa thuận này là bằng miệng không lập giấy tờ.

Về việc ông K khởi kiện yêu cầu chị và anh P trả khoản tiền phường và tính lãi, chị không đồng ý vì chị và anh P đã ly hôn lâu, tiền phường sau khi nhận đã dùng để mua xe ô tô và hiện tại xe này là do anh P đang quản lý. Chị đã không còn liên quan đến sự việc này nữa. Đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 2 - Bắc Ninh giải quyết theo quy định pháp luật.

Hiện nay, chị đang có nhiều công việc ở Hải Phòng, các văn bản của Tòa án chị đã nhận được nhưng không thể tham gia qua trình tố tụng tại Tòa được nên đề nghị Tòa án Khu vực 2 - Bắc Ninh thực hiện tố tụng vắng mặt chị.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H (vợ ông K) trình bày: bà nhất trí với phần trình bày của ông K, không bổ sung gì.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Dương Văn P1, sinh năm 1983; anh Dương Văn N, sinh năm 1973; ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1972; anh Dương Văn T1, sinh năm 1981; anh Dương Văn C, sinh năm 1985; bà Hoàng Thị L2, sinh năm 1965; chị Hoàng Thị N1, sinh năm 1987; ông Nguyễn Văn L3, sinh năm 1962; chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1987; chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1980; anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983, đều trình bày đã nhận đủ số tiền phường do ông K đưa và không có ý kiến gì, đều đề nghị không tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 đã được Tòa án giao giấy triệu tập hợp lệ, nhưng không có ý kiến gì về việc ông K khởi kiện.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, chấp hành tốt, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt.

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn K

1. Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L phải trả cho vợ chồng ông K số tiền phường còn nợ là 28.000.000đồng và lãi phường là 5.600.000đồng. Tổng cả gốc và lãi là 33.600.000 đồng. Do anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L đã ly hôn theo quyết định số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2019, nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền 16.800.000 đồng (gốc là 14.000.000 đồng; lãi là 2.800.000 đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L, mỗi người phải chịu số tiền 840.000 đồng.

- Hoàn trả ông Dương Văn K số tiền 1.529.464 đồng đã nộp theo biên lai số 0003944 ngày 25/11/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Dương Văn K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L trả số tiền nợ phường xác định là quan hệ tranh chấp *"Phường, họ"* theo Điều 471 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn xã H, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án nhân dân Khu vực 2-Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 - Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Dương Văn K khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L trả số tiền nợ phường 28.000.000 đồng và lãi thì thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông K trình bày: Ngày 10/11/2016 (âm lịch) tức ngày 08/12/2016 (dương lịch) ông có cho anh Nguyễn Văn P tham gia dây phường gồm 15 người chơi (thời hạn chơi từ ngày 10/11/2016 âm lịch đến 10/02/2018 âm lịch) với mục đích giúp đỡ nhau làm ăn kinh tế số tiền người chơi phải đóng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/1 xuất/1 tháng, hai bên có thỏa thuận trong hợp đồng phường về lãi xuất nộp phường là 400.000 (Bốn trăm nghìn) đồng/1 xuất/1 tháng, ai lấy trước phải chịu số tiền lãi 400.000 đồng cho người lấy sau, người lấy sau được hưởng 400.000 đồng của người lấy trước đóng. Anh Nguyễn Văn P có tham gia

chơi phường với tổng số xuất là 1 xuất, hàng tháng anh P phải đóng cho ông số tiền phường là 2.000.000 (Hai triệu) đồng/1 xuất/1 tháng. Biên bản phường tiền đề ngày 10/11/2016 (âm lịch). Ông xác định chữ viết trong biên bản phường tiền đề ngày 10/11/2016 (âm lịch) là chữ viết chữ ký của ông. Anh P và chị L lấy dây phường đầu tiên vào ngày 10/11/2016 (âm lịch) tức ngày 08/12/2016 (dương lịch) với tổng số tiền là 28.000.000 (Hai mươi tám triệu) đồng và có ký xác nhận "P, Nguyễn Văn P" là chữ viết chữ ký là của anh P viết, chữ viết chữ ký "L, Nguyễn Thị L" là của chị L viết. Kể từ ngày lấy phường cho đến nay thì anh P và chị L không đóng tiền phường, ông phải ứng tiền của vợ chồng ông để đóng phường cho anh P và chị L. Chị L cũng xác định chị và anh P có chơi phường, ngày 10/11/2016. Chị và anh P nhận tiền phường là 28.000.000 đồng và là người nhận đầu tiên, phường có lãi, người nào lấy trước thì trả cho người lấy sau 400.000 đồng tiền lãi. Chị không đồng ý trả vì khi ly hôn chị và anh P thỏa thuận tiền phường lấy mua xe ô tô hiện anh P đang dùng. Bản thân anh P đã được Tòa án gọi điện thông báo và tống đạt các văn bản hợp lệ, nhưng không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

Do vậy, ông K yêu cầu anh P và chị L phải trả cho vợ chồng ông số tiền phường còn nợ là 28.000.000 đồng và lãi 5.600.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Tại đơn khởi kiện, ông Dương Văn K xác định là nợ chung của anh P và chị L và là tiền chung của vợ chồng ông. Chị L cũng xác định anh chị có chơi phường, khi đó chị và anh P chưa ly hôn. Đến ngày 12/02/2019, thì chị L và anh P ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 20/2019/QĐST-HNGĐ ngày 12/02/2019, thì chỉ giải quyết tình cảm và con chung, còn tài sản và công nợ hai bên tự thỏa thuận, chưa giải quyết. Do vậy, cần buộc anh P và chị L phải có nghĩa vụ trả cho ông K và bà H là có căn cứ.

[5] Về số tiền lãi: Do ông Dương Văn K trình bày phường có lãi, ai lấy trước thì phải trả lãi cho người lấy sau 400.000 đồng, nên xác định là phường có lãi. Xét thấy, số tiền lãi đóng phường hàng tháng ông K đã bỏ ra đóng cho người lấy sau là 400.000 đồng x 14 xuất là 5.600.000 đồng. Do vậy, cần buộc anh P và chị L phải trả số tiền lãi 5.600.000 đồng cho ông K là có căn cứ.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn K được chấp nhận nên chị L và anh P phải có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn K

1. Buộc anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L phải trả cho ông Dương Văn K và bà Hoàng Thị Hệ S tiền phường còn nợ là 28.000.000đồng và lãi phường là 5.600.000đồng. Tổng cả gốc và lãi là 33.600.000 đồng. Do anh Nguyễn Văn P và chị

Nguyễn Thị L đã ly hôn, nên mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông Dương Văn K và bà Hoàng Thị Hệ S tiền 16.800.000 đồng (gốc là 14.000.000 đồng; lãi là 2.800.000 đồng).

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Anh Nguyễn Văn P và chị Nguyễn Thị L, mỗi người phải chịu số tiền 840.000 đồng.

- Hoàn trả ông Dương Văn K số tiền 1.529.464 đồng đã nộp theo biên lai số 0003944 ngày 25/11/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

4. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 34, Điều 36 Luật thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Phòng THADS Khu vực 2-Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự